

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.
- 1.2. Địa chỉ: Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh/~~Xe gắn máy 2 bánh~~/~~loại xe khác⁽⁺⁾~~.
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA.
- 1.5. Tên thương mại: TENERE 700
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): XTZ690Z1
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/283714

2. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4520/NETC-M/21/C

3. Thông số kỹ thuật của Xe

- 3.1. Khối lượng bản thân: 204 kg
- 3.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 394 kg
- 3.3. Động cơ
 - 3.3.1. Kiểu động cơ: YAMAHA M415E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 3.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 689 cm³.
 - 3.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 54,0kW/9000 vòng/phút
- 3.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 3.5. Hộp số
 - 3.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 3.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 cấp
 - 3.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: \.
- 3.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,067
- 3.7. Lốp
 - 3.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90 - 21 M/C 54 V
- 3.8. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 150/70 R 18 M/C 70V

3.9. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 186 km/h

4. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

4.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013⁽¹⁾

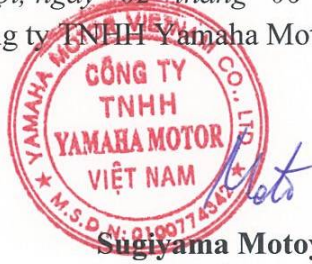
4.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 6,29 l/100 km

5. Mẫu nhãn năng lượng công khai



6. Ghi chú (nếu có):

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2021
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam



Sugiyama Motoyuki

Giám đốc bộ phận

Kỹ thuật sản phẩm

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm